TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2022
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh
- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Võ Thu
- Ông Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân Hện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã T, Hện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã T, Hện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà D và ông T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thịnh, Hện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 20/11/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vả. Nguyên nhân ông T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về chởi bới xúc phạm, đánh đập bà D và đập phá đồ đạc trong gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần quyết định sống ly thân, rồi lại cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay hai bên không còn quan tâm nhau và sống ly thân từ năm 2021. Bà D không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà D và ông T có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2007 và cháu Phạm Gia H sinh ngày 16/6/2017. Các cháu không có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần. Khi ly hôn,

bà D yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Thanh T không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 27/4/2022 tại Công an xã T, ông Phạm Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Phú, xã T, Hện C, tỉnh Khánh Hòa. Thời điểm xác minh thì ông T đi làm, không có mặt tại nơi cư trú nhưng ông T vẫn thường xuyên đi về tại địa phương. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 24/6/2022 và ngày 12/7/2022; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà D và ông T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thịnh, Hện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/2006 ngày 20/11/2006; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà D và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên kình cãi, không còn quan tâm đến nhau. Bà D và ông T đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Hai bên sống ly thân từ năm 2021 và bà D xác định không còn tình cảm đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T là trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà D được ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà D và ông T có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2007 và cháu Phạm Gia H sinh ngày

16/6/2017. Các cháu hiện đang sống với bà D và cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ; vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, đảm bảo sự phát triển lành mạnh, toàn diện, ổn định về người trực tiếp trông nom, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2007 và cháu Phạm Gia H sinh ngày 16/6/2017 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Phạm Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thanh T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008929 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện C, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Hện C;
- Chi cục THADS Hện C;
- UBND xã Hòa Thịnh;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh